TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74**/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 06 - 2023.

V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Duy Mạnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Dậu và ông Doãn Đức Hùng.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Thúy Kiều – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 119/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964.
- ***Bị đơn***: Ông Lê Quốc H, sinh năm 1965.

Cùng cư trú tại: 365C ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(*Bà T, ông H đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2023 và trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Quốc H tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T (nay là huyện T), tỉnh Đồng Nai năm vào năm 1986.

Bà và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau. Ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhiều năm nay; năm 2020 ông H đã làm đơn ly hôn và đưa cho bà T ký, đi nộp tại Tòa án nhưng khi đó bà T nghĩ rằng các con còn nhỏ nên chấp nhận bỏ qua. Nay bà T và ông H không thể tìm được tiếng nói chung, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà

Nguyễn Thị T đề nghị được ly hôn với ông Lê Quốc H.

Về con chung: Bà T và ông H có 04 con chung là Lê Thảo N, sinh ngày 27/10/1986, Lê Thị Kim T1, sinh ngày 01/01/1990, Lê Nguyễn Thùy T2, sinh ngày 04/04/1996 và Lê Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 30/11/2004. Các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên bà T không yêu cầu Tòa án phải xem xét, giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà T cam kết vợ chồng không có nợ chung.

**** Trong quá trình chuẩn bị xét xử ông Lê Quốc H trình bày ý kiến:***

Ông H và bà T tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 1986 tại UBND xã H, huyện T (nay là huyện T), tỉnh Đồng Nai.

Đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T: ông H, bà T không còn chung sống với nhau 10 năm nay; vì ông theo đạo Thiên Chúa nên không đồng ý ký giấy ly hôn. Do đó ông H đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông H và bà T có 04 người con là Lê Thảo N, sinh ngày 27/10/1986, Lê Thị Kim T1, sinh ngày 01/01/1990, Lê Nguyễn Thùy T2, sinh ngày 04/04/1996 và Lê Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 30/11/2004. Các con đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án phải xem xét, giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông H trình bày vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng;

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lê Quốc H. Về con chung: Các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung khai không có; bị đơn không có tranh chấp và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Buộc nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Quốc H hiện đang cư trú tại số 365C, ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Quốc H đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về yêu cầu xin ly hôn:*

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Quốc H là hôn nhân hợp pháp, vì họ kết hôn tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã kêu gọi bà Nguyễn Thị T đoàn tụ với ông Lê Quốc H nhưng bà T vẫn cương quyết ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay bà không còn tình cảm yêu thương dành cho ông H nữa. Ông Lê Quốc H cũng thừa nhận ông H, bà T không còn chung sống với nhau 10 năm nay.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Quốc H đã xảy ra trong thời gian dài, đã trầm trọng, giữa họ không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc đến nhau, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lê Quốc H.

[2.2] *Về con chung*:

Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Quốc H có 04 con chung là Lê Thảo N, sinh ngày 27/10/1986, Lê Thị Kim T1, sinh ngày 01/01/1990, Lê Nguyễn Thùy T2, sinh ngày 04/04/1996 và Lê Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 30/11/2004. Tất cả con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung:* Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Quốc H không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung:* Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Quốc H đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình

năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lê Quốc H.

2. Về con chung: Đã thành niên, có khả năng lao động và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002382 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS. huyện Trảng Bom;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (GCNKH số 737 ngày 28/03/1986);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Duy Mạnh